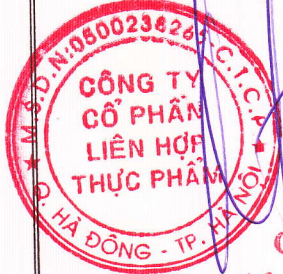


CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO – HẠNH PHÚC

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 13 tháng 7 năm 2015



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Tú



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN HỢP THỰC PHẨM
Sửa đổi bổ sung lần thứ tư
Thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên
ngày 14 tháng 9 năm 2012

ĐỊA CHỈ CÔNG TY:

SỐ 267, ĐƯỜNG QUANG TRUNG,
QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: (04) 3382 4230; 3382 4794
FAX: (04) 3382 7836

Hà Đông, tháng 09/2012

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN HỢP THỰC PHẨM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI thông qua ngày 29-11-2005, có hiệu lực từ 01-7-2006.

Chúng tôi, những cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2009 Công ty cổ phần Liên Hợp Thực Phẩm, đã nhất trí thông qua nội dung của bản Điều lệ và cùng cam kết thực hiện những quy định trong bản Điều lệ này.

Bản Điều lệ này sẽ chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty cổ phần Liên Hợp Thực Phẩm.

Chương I:

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên, hình thức, trụ sở và tư cách pháp nhân của Công ty :

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN HỢP THỰC PHẨM

Tên giao dịch theo tiếng anh: FOODSTUFF COMBINATORIAL JOINT STOCK COMPANY



2. Biểu tượng:

3. Hình thức: Công ty cổ phần Liên Hợp Thực Phẩm (sau đây gọi tắt là Công ty) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp do Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29-11-2005.

4. Trụ sở của Công ty: đặt tại 267 đường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

5. Tư cách pháp nhân của Công ty:

- Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- Có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại các ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
- Có Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ.
- Tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, được hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính.
- Có bảng cân đối kế toán riêng, được lập các quỹ theo quy định của luật doanh nghiệp và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 2. Mục tiêu, sản phẩm chính và thời hạn hoạt động của Công ty:

1. Mục tiêu: Công ty được thành lập để huy động vốn và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh về Bia, Rượu, Nước giải khát, Bánh-mứt-keo các loại, Chế biến thực phẩm từ nông sản, thương mại dịch vụ ăn uống... và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; Tạo công việc làm ổn định cho người lao động; Đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

2. Sản phẩm chính: Bia, Nước giải khát, Rượu, bánh, mứt kẹo, sản phẩm thực phẩm chế biến từ nông sản và Dịch vụ ăn uống giải khát.

3. Thời hạn hoạt động của Công ty:

- Thời hạn hoạt động của Công ty cổ phần Liên hợp thực phẩm là 50 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh -do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch-Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp.
- Việc chấm dứt hoặc gia hạn, kéo dài thời hạn hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định và thực hiện theo luật doanh nghiệp.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và quản trị, điều hành của Công ty:

- Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.
- Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để quản trị Công ty giữa 2 kỳ đại hội, bầu Ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành Công ty.
- Quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm hoặc đi thuê.

Điều 4. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội khác:

- Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo hiến pháp, pháp luật, và Điều lệ của Đảng cộng sản Việt Nam
- Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của pháp luật.
- Công ty Cổ phần Liên hợp thực phẩm tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, điều lệ của mình.

Chương II

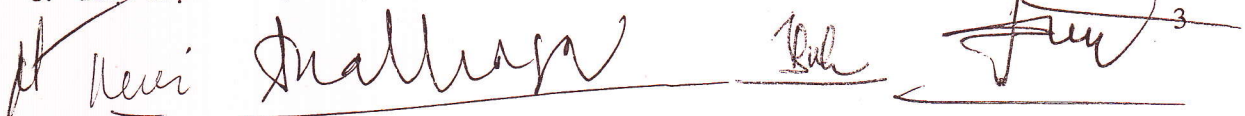
QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 5. Quyền của Công ty:

1. Tự chủ kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành nghề kinh doanh.
2. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.
3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.
4. Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.
5. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.
6. Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.
7. Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ.
8. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.
9. Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định.
10. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại tố cáo.
11. Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.
12. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nghĩa vụ của Công ty :

1. Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành nghề đã ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; bảo đảm các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.
2. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán.
3. Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
4. Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.
5. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.
6. Thực hiện chế độ thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê.



7. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh.
8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chế độ lưu giữ tài liệu của Công ty:

Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau:

1. Điều lệ Công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Quy chế quản lý nội bộ Công ty; Sổ đăng ký cổ đông.
2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm; các giấy phép và giấy chứng nhận khác.
3. Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông; biên bản họp Hội đồng quản trị; các quyết định của Công ty ;
5. Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán;
6. Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra hoặc kiểm toán nếu có.
7. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm.
8. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu được lưu giữ tại trụ sở Công ty, thời hạn lưu giữ theo quy định của pháp luật. Sau Đại hội, các văn bản, biên bản Đại hội đồng cổ đông và tất cả các chứng từ liên quan phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị lưu giữ tại văn phòng Công ty theo luật định.

Chương III

VỐN - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG

Mục 1

VỐN

Điều 8. Vốn điều lệ:

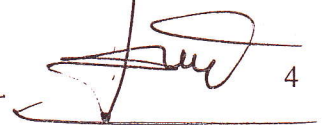
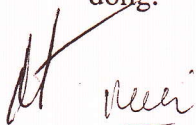
1. Vốn điều lệ được góp bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ hoặc bằng hiện vật và được quy đổi, hạch toán theo một đơn vị thống nhất là Đồng Việt Nam.
2. Vốn điều lệ của Công ty là: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng)
3. Việc tăng, giảm vốn Điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định và cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp nhận.
4. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho hoạt động kinh doanh như:
 - Mua sắm tài sản cố định, máy móc trang thiết bị mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.
 - Phát triển kỹ thuật nghiệp vụ.
 - Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn, liên doanh.
 - Các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản.
 - Kinh doanh theo nội dung hoạt động của Công ty.
5. Không sử dụng vốn điều lệ để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác và không trái pháp luật)

Mục 2

CỔ PHẦN- CỔ PHIẾU

Điều 9. Cổ phần, cổ phiếu:

1. Cổ phần là số vốn điều lệ của Công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau; Giấy chứng nhận quyền sở hữu cổ phần do Công ty phát hành được gọi là cổ phiếu. Số tiền ghi trên cổ phiếu là mệnh giá cổ phiếu.
2. Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 6.000.000 cổ phần, mỗi cổ phần trị giá 10.000 đồng.



Điều 10. Hình thức cổ phiếu:

1. Cổ phiếu của Công ty được phát hành theo mẫu hoặc bút toán ghi sổ phải có đầy đủ các nội dung chủ yếu theo quy định của luật doanh nghiệp .
2. Mọi cổ phiếu phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được đóng dấu Công ty.
3. Nếu cổ phiếu mờ, rách nát, hư hỏng hay bị mất, có thể xin đổi cổ phiếu mới nếu trình đủ chứng cứ theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và cổ đông sở hữu cổ phiếu đó phải chịu mọi phí tổn.

Điều 11. Chuyển nhượng cổ phần:

1. Cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng, thừa kế theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty; Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi (nếu có) chỉ được chuyển nhượng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông .
2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 12. Thừa kế cổ phần:

1. Trường hợp cổ đông qua đời, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất:
 - Người thừa kế duy nhất theo luật định.
 - Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp, thì phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục uỷ quyền có công chứng. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.
2. Người có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp đăng ký làm sở hữu chủ các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền.

Điều 13. Phát hành thêm cổ phần, phát hành trái phiếu:

1. Việc phát hành thêm cổ phần phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định theo bản điều lệ này và không trái với quy định của pháp luật.
Cổ phiếu phát hành thêm phải ghi đủ các nội dung theo quy định và phải được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông.
2. Công ty cổ phần có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật.

Mục 3

CỔ ĐÔNG

Điều 14. Quy định chung về cổ đông:

1. Cổ đông của Công ty cổ phần Liên hợp thực phẩm là những pháp nhân hoặc cá nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty.
2. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Công ty.
3. Người đại diện theo pháp luật của cổ đông tại Công ty:
 - a) Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là pháp nhân:
 - Đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Liên Hợp Thực Phẩm là người được cử theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.



- Đại diện phần vốn góp bằng tài sản từ nguồn quỹ phúc lợi không chia của tập thể người lao động tại Công ty là Ban chấp hành công đoàn Công ty. BCH công đoàn Công ty cử người đại diện phần vốn này tại Công ty.

- Đối với các pháp nhân khác, người đại diện cổ đông tại Công ty cổ phần là người đại diện hợp pháp của pháp nhân đó.

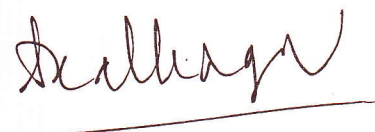
Người đại diện nêu tại các điểm trên đây (trừ người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn tập thể người lao động tại Công ty cổ phần) có thể uỷ quyền cho người có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi thuộc pháp nhân đó làm đại diện tại Công ty. Những người được uỷ quyền làm đại diện cho pháp nhân tại Công ty không được uỷ quyền cho người khác.

- b) Cổ đông là cá nhân có thể uỷ quyền cho người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại Công ty cổ phần.
- c) Việc uỷ quyền nêu trên phải thực hiện bằng văn bản, cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi Hội đồng quản trị của Công ty.
- Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản và gửi đến Hội đồng quản trị.

Điều 15. Quyền lợi của cổ đông:

1. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty.
3. Được mua, bán, chuyển nhượng và thừa kế cổ phần theo điều lệ Công ty và phù hợp với luật pháp.
4. Cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 0,25 % tổng số cổ phần của Công ty được tham dự Đại hội đồng cổ đông và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; Quyền biểu quyết tương ứng với phần vốn góp; Được quyền phê bình, chất vấn, kiến nghị về công việc của Hội đồng Quản trị, kiểm soát viên và Giám đốc về hoạt động kinh doanh của Công ty.
Các cổ đông khác không đủ 0,25% tổng số cổ phần của Công ty có quyền nhóm lại và cử người đại diện đi dự đại hội và biểu quyết các vấn đề theo số cổ phần của nhóm.
5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10 % tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 6 tháng có các quyền sau đây:
 - Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tại luật doanh nghiệp.
 - Xem xét và trích lục biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo của Ban kiểm soát.
 - Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
 - Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - + Có dấu hiệu bất thường không có lợi về hoạt động tài chính.
 - + Có dấu hiệu thất bại trong hoạt động kinh doanh hoặc thua lỗ đến 10% vốn điều lệ.
 - + Có dấu hiệu về tham nhũng, hoặc cố ý gây thiệt hại cho Công ty của Ban giám đốc, Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.
 - +Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.
 - +Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 6 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.
 - +Các trường hợp khác theo luật định


Nui





7. Được thông tin thường xuyên và đột xuất về tình hình hoạt động của Công ty; Được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh có liên quan đến quyền lợi cổ đông (trừ những bí mật về hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Thủ thuật marketing, cách lựa chọn đối tác, phương pháp tác nghiệp kinh doanh...)
8. Được chia tài sản còn lại (nếu có) khi Công ty giải thể hoặc phá sản, theo tỷ lệ tương ứng với số vốn góp.
9. Được uỷ quyền bằng văn bản cho người khác tham dự Đại hội đồng cổ đông.
10. Các quyền khác theo quy định của pháp luật

Điều 16. Trách nhiệm và nghĩa vụ cổ đông:

1. Góp đủ vốn cổ phần đã đăng ký.
2. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
3. Chấp hành các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị
4. Chịu trách nhiệm về số lỗ của Công ty tương ứng với số cổ phần mình sở hữu và chỉ chịu trách nhiệm về những khoản nợ của Công ty trong phạm vi số cổ phần của mình.
5. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.
6. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty.
7. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT

Mục I

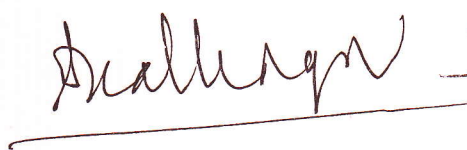
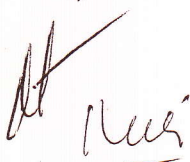
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 17. Đại hội đồng cổ đông:

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của luật Doanh nghiệp.
3. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần; Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3.1- Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Báo cáo tài chính hàng năm,



- b) Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty.
- c) Báo cáo của Ban kiểm soát về thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh hàng năm và đánh giá công tác quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty.
- d) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần.
- e) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3.2- Đại hội đồng cổ đông bất thường:

Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
- Số thành viên HĐQT bị giảm 2 người (HQDT có 5 người).
- Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng.
- Theo yêu cầu của Ban kiểm soát
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Nội dung của đại hội đồng cổ đông bất thường: Xử lý các vấn đề khẩn cấp, bất thường thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo luật và Điều lệ Công ty.

Điều 18. Thẩm quyền triệu tập và điều kiện tiến hành họp đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

- Hội đồng quản trị triệu tập theo luật doanh nghiệp,
 - Ban kiểm soát triệu tập nếu Hội đồng quản trị không triệu tập,
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng triệu tập, nếu Ban kiểm soát không triệu tập.
- Trình tự thời hạn và trách nhiệm triệu tập họp đại hội đồng cổ đông theo luật doanh nghiệp.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải:

- Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp dựa trên sổ đăng ký cổ đông.
- Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
- Gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 7 ngày làm việc trước ngày khai mạc.

3. Điều kiện tiến hành họp đại hội đồng cổ đông:

Cuộc họp được tiến hành khi có số cổ đông dự họp

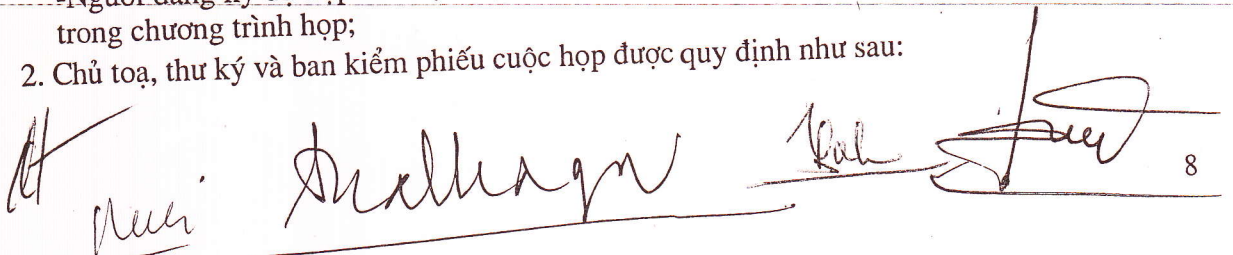
- a/ Đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: nếu là triệu tập lần thứ nhất
 - b/ Đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: nếu là triệu tập lần thứ hai.
 - c/ Được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông và tỷ lệ cổ phần: nếu triệu tập lần thứ ba.
- Chỉ có đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm thông báo mời họp;
- Trình tự và thời hạn triệu tập đại hội theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông:

1. Trước ngày khai mạc cuộc họp phải:

- Tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp;

2. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu cuộc họp được quy định như sau:



- a/ Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập, trường hợp Chủ tịch vắng mặt thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
- b/ Chủ tọa cử người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- c/ Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá 3 người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

3. Thảo luận và biểu quyết:

Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.

Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập họp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến,

Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Một số vấn đề có thể được biểu quyết bằng hình thức giơ tay nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

4. Các vấn đề khác về quyền điều hành, biểu quyết, duy trì an ninh trật tự... tại Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo luật doanh nghiệp.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp đối với các vấn đề sau :

- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty ;
- Thông qua định hướng phát triển của Công ty ;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

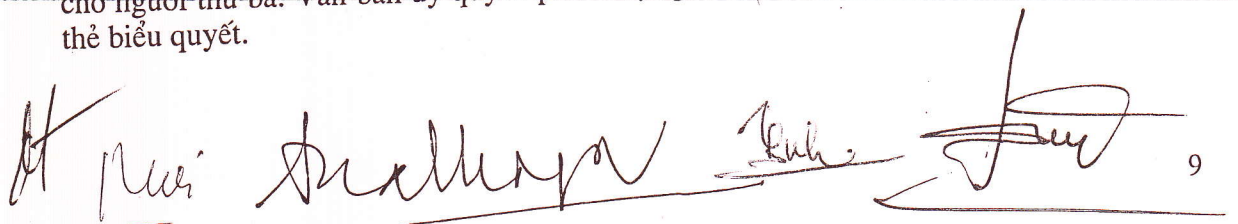
2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- Đối với các vấn đề ở mục a, c, e, g điểm 1 điều này thì phải được cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

Các trường hợp và nội dung khác nếu có được thực hiện theo luật doanh nghiệp.

Điều 21. Việc uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông:

- Cổ đông được uỷ quyền cho người khác tham dự Đại hội đồng cổ đông. Việc uỷ quyền phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định
- Người đại diện không nhất thiết là cổ đông của Công ty.
- Việc uỷ quyền chỉ được thực hiện từng lần. Người được uỷ quyền không được uỷ quyền lại cho người thứ ba. Văn bản uỷ quyền phải được gửi đến trước khi đăng ký dự họp và nhận thẻ biểu quyết.



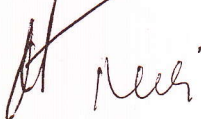
Mục 2
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

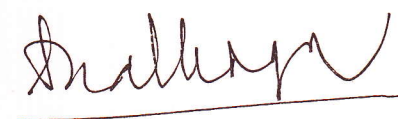
Điều 22. Hội đồng quản trị:

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e) Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 tháng.
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền với tổng mức đầu tư dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - h) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và người quản lý quan trọng khác của Công ty. Quyết định mức lương và lợi ích khác của Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh thuộc quyền quản lý của Hội đồng quản trị.
 - i) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
 - j) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.
 - k) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.
 - l) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - m) Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
 - n) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty, kiến nghị sửa đổi bổ sung điều lệ.
 - o) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty
3. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông: Quản trị Công ty theo Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ đúng luật pháp.
4. Hội đồng quản trị có thể đình chỉ các quyết định của Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm điều lệ, nghị quyết và các quy định của Hội đồng quản trị.
5. Xem xét và uỷ quyền cho Giám đốc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi và tài sản của Công ty.
6. Xem xét quyết định việc chuyển nhượng cổ phiếu có ghi tên thuộc thẩm quyền.

Điều 23. Nhiệm kỳ, số lượng và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:

1. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 5 năm, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 5 năm; trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên





 10

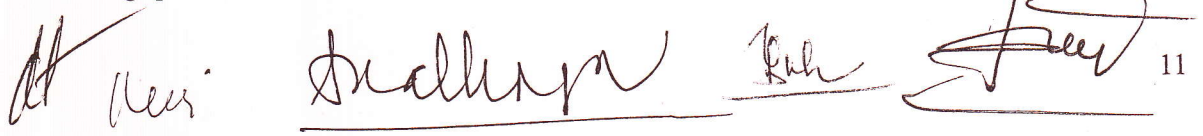
- bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;
2. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Liên hợp thực phẩm có tối thiểu là 3 thành viên, số lượng cụ thể từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
 3. Cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần quyết định cử người trực tiếp quản lý phần vốn nhà nước trong Công ty cổ phần và tham gia ứng cử Hội đồng quản trị Công ty với tỷ lệ theo hướng dẫn của luật doanh nghiệp
 4. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:
Thành viên Hội đồng quản trị phải là người có đủ các điều kiện sau:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của luật doanh nghiệp.
 - b. Có năng lực tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp.
 - c. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có hiểu biết luật pháp.

Điều 24. Chủ tịch, phó chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu trong số thành viên hội đồng quản trị. Chủ tịch hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc .
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Các quyền và nhiệm vụ khác theo điều lệ Công ty.Trường hợp Chủ tịch hội đồng quản trị vắng mặt có thể uỷ quyền bằng văn bản cho Phó chủ tịch hoặc thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch hội đồng quản trị. Nếu không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quá bán.
3. Phó chủ tịch hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ đã được Hội đồng quản trị phân công, không uỷ quyền cho người khác.
4. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị như sau:
 - a) Nghiên cứu đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương án phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.
 - b) Được quyền yêu cầu các cán bộ chức danh trong Công ty cung cấp đầy đủ mọi tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình.
 - c) Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những hành vi của mình.
 - d) Thực hiện Điều lệ của Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và những công việc có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công của Hội đồng quản trị.
 - e) Thành viên Hội đồng quản trị là người trực tiếp quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 25. Cuộc họp Hội đồng quản trị:

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường, cuộc họp định kỳ do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập ít nhất mỗi quý 1 lần.



2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị phiên bất thường, trong thời hạn 15 ngày kể từ khi có yêu cầu bằng văn bản (trong đó nêu rõ nội dung mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị) của một trong các đối tượng sau:
 - Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 5 người quản lý khác
 - Có đề nghị của ít nhất 2 thành viên Hội đồng quản trị.Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải:
 - Gửi thông báo mời họp đến từng thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất 5 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo phải xác định cụ thể: thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo tài liệu và phiếu biểu quyết của thành viên.
4. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên dự họp trở lên.
 - Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản.
 - Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
 - Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch hội đồng quản trị.
5. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản và lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Biên bản phải được thông qua mọi thành viên tham dự với đầy đủ chữ ký. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
6. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, hoặc có thể lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

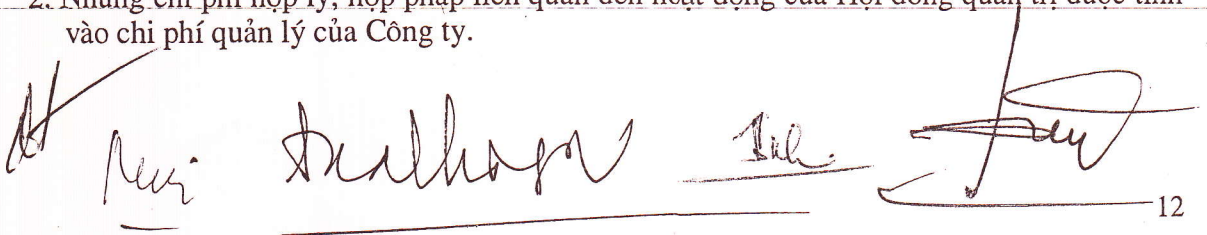
Điều 26. Trường hợp mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị bị mất tư cách khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Chết, mất trí, mất quyền công dân.
- Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân.
- Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân.
- Công ty cổ phần bị giải thể trước thời hạn theo các quy định của toà án.

Điều 27. Quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị:

1. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
2. Những chi phí hợp lý, hợp pháp liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí quản lý của Công ty.



Mục 3
GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 28. Giám đốc

1. Giám đốc công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm, hoặc thuê. Giám đốc có thể là thành viên Hội đồng quản trị.
2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
3. Giúp việc cho Giám đốc có các Phó giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm hoặc thuê theo đề nghị của Giám đốc.

Điều 29. Tiêu chuẩn lựa chọn Giám đốc:

Giám đốc Công ty có đủ các điều kiện sau:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của luật doanh nghiệp, có trình độ đại học;
2. Có kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty, có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt; hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật, thường trú tại Việt nam.

Điều 30. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc:

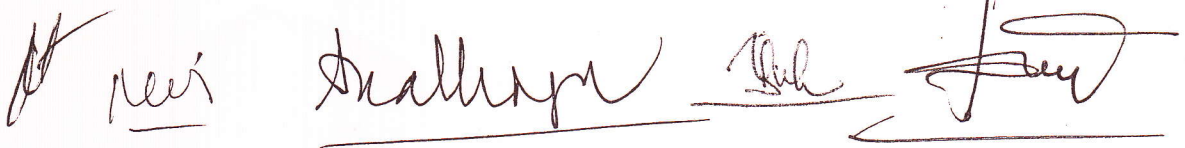
Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty

Giám đốc công ty là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

1. Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a/ Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
 - b/ Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
 - c/ Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty.
 - d/ Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty.
 - e/ Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.
 - f/ Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của giám đốc.
 - g/ Tuyển dụng lao động và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật
 - h/ Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Giám đốc điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho Công ty .
3. Tiền lương, tiền thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 31. Ủy quyền-ủy nhiệm:

1. Giám đốc Công ty có thể ủy nhiệm cho các Phó giám đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý trước ủy quyền, ủy nhiệm của mình.



5. Trường hợp khuyết kiểm soát viên có nghiệp vụ về tài chính kế toán, thì Hội đồng quản trị phải tạm thời cử người thay thế cho đến khi triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung.

Điều 36. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát:


1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.
Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết; hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 6 tháng trở lên.
5. Trong thời hạn quy định theo luật, Ban kiểm soát phải xem xét và báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát không được cản trở đến hoạt động bình thường của Công ty.
6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.
8. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
9. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Những chi phí hợp lý, hợp pháp liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí quản lý của Công ty.
10. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và bản điều lệ này.

Điều 37. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát:

1. Được nhận thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ tài liệu của Công ty lưu giữ.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 38. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát:

1. Tuân thủ đúng pháp luật, điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.

 15

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin về Công ty và lạm dụng địa vị, chức vụ để phục vụ lợi ích của tổ chức khác.
4. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ trên đây mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Chương V

CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 39. Chế độ về lao động và quyền lợi của người lao động

1. Chế độ tuyển dụng: Việc tuyển dụng lao động và trả lương thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động giữa Giám đốc (hoặc người được Giám đốc uỷ quyền) và người lao động phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Chế độ về lao động và quyền lợi của người lao động làm việc tại Công ty cổ phần Liên hợp thực phẩm thực hiện theo quy định và điều lệ của Công ty mà không trái với pháp luật hiện hành.

Chương VI

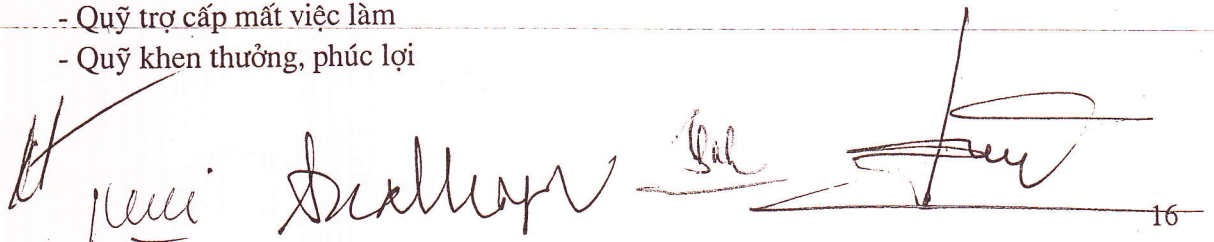
HẠCH TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ

Điều 40. Trình báo cáo hàng năm:

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty cổ phần được chính thức thành lập và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm đó.
2. Công ty thực hiện việc hạch toán kế toán theo đúng Luật kế toán thống kê hiện hành.
3. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:
 - Báo cáo tài chính;
 - Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty;
 - Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;Các bản báo cáo này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của đại hội đồng cổ đông.
4. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát phải (xong) có ở trụ sở Công ty chậm nhất 7 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 41. Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ.

1. Kết quả kinh doanh, xác định lợi nhuận theo các quy định về chế độ tài chính do Nhà nước ban hành với các Công ty cổ phần.
2. Trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông phải trích lập các quỹ:
 - a) Bù khoản lỗ năm trước nếu có
 - b) Trích quỹ dự phòng tài chính: ít nhất bằng 5% lợi nhuận còn lại để dự trữ tài chính cho năm sau, tối đa cho đến mức bằng 10% vốn điều lệ.
 - c) Các quỹ khác do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông
 - Quỹ đầu tư phát triển
 - Quỹ trợ cấp mất việc làm
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi



- Ngoài các quỹ trên căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, hàng năm sẽ trích một phần lợi nhuận bổ sung vào vốn, mức trích do Đại hội đồng cổ đông quy định và không trái pháp luật.
- 3. Các quỹ không hình thành từ lợi nhuận:
 - Quỹ khấu hao tài sản cố định, khấu hao sửa chữa lớn...trích theo quy định của nhà nước.
- 4. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.
- 5. Số cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp, tùy tình hình đặc điểm kinh doanh cho phép, Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo từng thời hạn quý hoặc 6 tháng .

Điều 42. Xử lý khi hoạt động sản xuất kinh doanh thua lỗ:

Trường hợp sản xuất kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp:

- Trích từ quỹ dự trữ để bù lỗ.
- Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp khắc phục.

Chương VII

GIẢI THỂ, THANH LÝ, TRANH TỤNG

Điều 43. Giải thể, thanh lý:

Công ty giải thể, thanh lý trong các trường hợp sau đây:

A/Giải thể:

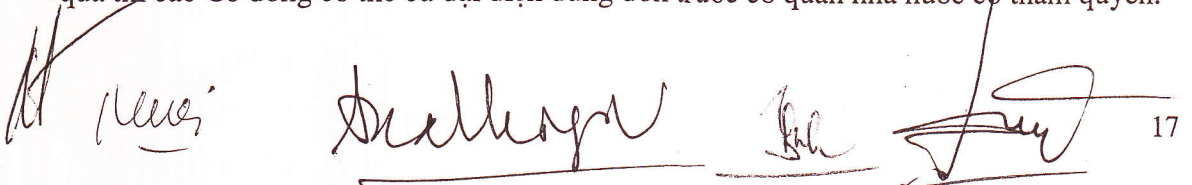
1. Trường hợp Công ty bị lỗ đến 3/4 vốn điều lệ mọi Cổ đông có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để quyết định việc giải thể Công ty.
2. Khi có lý do chính đáng, Hội đồng quản trị có quyền đề nghị để Đại hội đồng cổ đông bất thường quyết định giải thể Công ty.
3. Quyết định của Tòa án và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
4. Khi hết hạn hoạt động quy định tại điều 4 mà Đại hội đồng cổ đông không quyết định gia hạn.

B/Thanh lý:

1. Khi có quyết định giải thể Công ty, Đại hội đồng cổ đông lập Hội đồng thanh lý thay thế Hội đồng quản trị, để cùng kiểm soát viên làm nhiệm vụ thanh lý Công ty theo thời gian quy định và theo thể lệ tài chính hiện hành.
2. Trong thời gian thanh lý, các thành viên hội đồng thanh lý và kiểm soát viên có quyền đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết.

Điều 44. Tố tụng, tranh chấp:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện Công ty trước pháp luật và được uỷ quyền cho Giám đốc trong mọi giai đoạn tranh tụng.
2. Công ty cổ phần Liên hợp thực phẩm có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, cá nhân khi có tố tụng, tranh chấp.
3. Trong thời gian hoạt động bình thường cũng như trong thời gian thanh lý, mọi quyết định xử lý tranh tụng liên quan đến Công ty đều thuộc thẩm quyền của các cơ quan chức năng nhà nước theo quy định hiện hành.
4. Mọi Cổ đông có quyền khiếu nại đòi quyền lợi chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ thành viên nào trong Công ty gây ra, nếu Hội đồng quản trị bỏ qua thì các Cổ đông có thể cử đại diện đứng đơn trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền.



Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 45. Con dấu Công ty:

- Con dấu của Công ty được khắc theo mẫu quy định thống nhất của Bộ Công an, trước khi sử dụng được đăng ký tại cơ quan công an có thẩm quyền, Sở Kế hoạch và đầu tư, Ngân hàng nơi mở tài khoản.
- Hội đồng quản trị giao Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 46. Điều khoản thi hành:

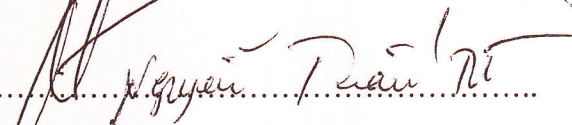
- Công ty được chính thức hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh - do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch - Đầu tư Hà Tây nay là Hà Nội cấp .
 - Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này, hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.
 - Bản Điều lệ này gồm 18 trang có 8 chương, 46 điều, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều và biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 16-10-2009 tại trụ sở Công ty.
- Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty cổ phần Liên hợp thực phẩm, thay thế bản điều lệ đã thông qua tại đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 16-10-2009
- Điều lệ này được lập thành 10 bản có giá trị như nhau, Các bản trích hoặc bản sao Điều lệ này phải được công chứng hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chứng thực mới có giá trị.

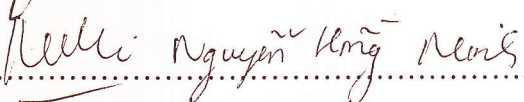
Hội đồng quản trị công ty cùng ký xác nhận bản Điều lệ này:

Các thành viên

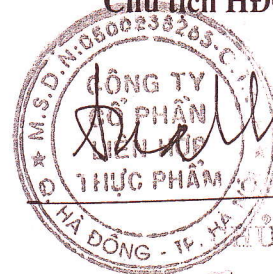

.....



..... Hoàng Tuấn Anh


..... Nguyễn Trần Trí


..... Nguyễn Hồng Ninh

Chủ tịch HĐQT




.....
CHỦ TỊCH HĐQT
Lương Văn Công